

Chương 15: KIẾN TRÚC VIỆT NAM

15.1 Các ảnh hưởng tự nhiên và xã hội.

15.1.1 Tự nhiên.

- Cảnh quan thiên nhiên, đặc điểm khí hậu khác nhau đã ảnh hưởng đến phong cách kiến trúc của mỗi miền đất nước, hình thành kiểu kiến trúc nhà khung bền chắc, thoáng mát theo lối kiến trúc mở, hòa lẫn với cây xanh, mặt nước.

- Đồng bằng Bắc Bộ là cái nôi của nền văn hoá Việt Nam, là nơi tập trung phần lớn các công trình kiến trúc phản ánh truyền thống văn hoá lâu đời của dân tộc Việt.

- Với 3/4 diện tích là rừng núi nên vật liệu xây dựng chủ yếu của kiến trúc truyền thống là gỗ, đá và gạch. Trong đó gỗ đóng vai trò bộ khung chịu lực chính, đá dùng trang trí, làm móng và gạch dùng làm vật liệu bao che.

15.1.2 Xã hội.

- Các nhà khảo cổ đã chứng minh sự sống của người nguyên thủy tại Việt Nam vào buổi đầu thời kỳ đồ đá cũ, và phát hiện nhiều di tích về những thời kỳ muộn hơn.

- Việt Nam có vị trí đặc biệt nằm trên đường giao lưu giữa hai nền văn minh cổ đại của Châu Á là Ấn Độ và Trung Quốc.

- Việt Nam là đất nước có nhiều dân tộc, trong đó nhóm dân tộc Việt chiếm vị trí chủ yếu. Người Việt Nam có nền văn hóa lâu đời, đó là nền văn hóa Đông Sơn rất nổi tiếng từ 2000 năm trước công nguyên, tạo dựng những nét cơ bản của văn hóa Việt Nam sau này và đóng vai trò chủ đạo trong nền văn hóa của đất nước.

- Nền kiến trúc truyền thống Việt Nam phát triển chủ yếu trong thời kỳ phong kiến trước thế kỷ XIX. Nền kinh tế hoàn toàn dựa vào nông nghiệp, sức sản xuất thấp, đời sống của xã hội nói chung là nghèo nàn và lạc hậu. Do đó kiến trúc ít có điều kiện phát triển, chỉ có một phần cung điện lâu đài, dinh thự của giai cấp phong kiến và một số công trình tôn giáo tín ngưỡng do huy động được sức người, sức của nên có quy mô đáng kể và tồn tại lâu dài. Song do thiên nhiên khắc nghiệt lại thêm các cuộc chiến tranh giữ nước và nội chiến liên miên khiến nhiều công trình kiến trúc bị tàn phá.

15.2 Đặc điểm kiến trúc.

15.3 Các dòng kiến trúc tiêu biểu.

15.3.1 Kiến trúc đô thị.

Trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa chưa phát triển tính chất chính trị quân sự chi phối và trội hơn tính chất kinh tế thương nghiệp. Các tòa thành phục vụ

cho mục đích phòng thủ và là nơi đồn trú của các thế lực phong kiến. Để đảm bảo cuộc sống của gia cấp thống trị bên cạnh phần "đô" còn tồn tại phần "thị"; đây là nơi tập trung các thợ thủ công sản xuất ra các hàng hóa tiêu dùng và những cư dân làm nghề buôn bán trao đổi hàng hóa cần thiết, đó là những người không sản xuất nông nghiệp. Các trung tâm này đóng vai trò chủ đạo của cả nước hoặc trung tâm ở các địa phương. Đó là các kinh đô của các triều đại phong kiến như Cổ Loa, Thăng Long, Phú Xuân, Huế... và các lý sở của quan lại địa phương như Nam Định, Sơn Tây, Bắc Ninh... Đến thế kỷ XVI – XVII, do ngoại thương phát triển mạnh làm xuất hiện một số đô thị mang tính chất kinh tế thương mại thuần túy như Phố Hiến, Hội An, Gia Định.. và có cấu trúc đô thị tương đối hoàn chỉnh.

Đặc điểm kiến trúc.

. Địa điểm và vật liệu:

Tùy thuộc vào tính chất tầm vóc của đô thị mà các trung tâm này có thể nằm ở vùng đồi núi, trung du hay đồng bằng, ven sông hay ven biển. Nếu đó là kinh đô thì phải có vị trí chiến lược về quân sự; có núi, sông che chắn như những chiến lũy tự nhiên ngăn cản quân thù từ xa đồng thời thuận tiện cho việc chỉ đạo hành chính. Nếu đó là thư phủ của địa phương thì phải nằm trên các trục lộ giao thông thủy bộ đều thuận tiện. Bên cạnh đó, việc chọn địa điểm đô thị còn chịu ảnh hưởng của các quan niệm về thuật phong thủy.

. Bố cục:

Các đô thị cổ Việt Nam thường có hai kiểu bố cục cơ bản: (1) loại có bố cục theo kiểu tự do triệt để lợi dụng các yếu tố địa hình thiên nhiên như sông, núi... (2) loại có bố cục hình học như vuông, chữ nhật, đa giác... là những công trình được xây dựng từ thế kỉ XI trở đi, khi mà nền độc lập tự chủ của đất nước khá vững bền.

Cấu trúc của các đô thị truyền thống thường có ba vòng thành: vòng ngoài gọi là kinh thành vòng giữa là hoàng thành vòng trong là cấm thành. Phù hợp với quan niệm nho giáo của nền quân chủ phong kiến phương Đông phần ngoài cùng của đô thị dành cho lớp thị dân, thợ thủ công ở, phần giữa dành cho tầng lớp quan lại phong kiến triều đình và trong cùng là nơi giành cho vua và hoàng tộc. Thành phố luôn có hướng Nam. Trong cấu trúc chiến lũy phòng thủ này nguyên tắc chung bố trí các tuyến phòng ngự là HÀO - THÀNH - PHÁO ĐÀI. Còn các khu ở thì được chia ra

làm thành nhiều ô, các đường đi kẻ hình bàn cờ, hoặc bám theo các trục giao thông chính ngoại thành.

Công trình kiến trúc tiêu biểu: Cổ Loa, Hoa Lư, Thăng Long, Huế.

15.3.2 Kiến trúc cung đình.

Ngày nay tất cả các cung điện, dinh thự của các thời kỳ mở đầu đều bị tàn phá bởi chiến tranh và thời gian, chỉ còn lại trên sử sách và một vài dấu tích ít ỏi. Các kiến trúc cung điện còn lại duy nhất đến ngày nay và cho ta một hình ảnh cụ thể về mảng kiến trúc này là các cung điện, dinh thự nhà Nguyễn ở Huế.

Đặc điểm kiến trúc.

- Bố cục đối xứng trong toàn bộ tổng thể qua trục chính Bắc - Nam xuất phát từ quan niệm của Nho giáo như tả nam, hữu nữ, tả văn, hữu võ ... gây được cảm giác các lớp kiến trúc trùng trùng điệp điệp, từng khu nhỏ cũng theo lối đối xứng này.

- Mặt bằng công trình hình chữ nhật và thường được phát triển theo chiều sâu nhờ hai nhà nối tiếp liền mái nhau theo kiểu “trùng thiềm điệp ốc”. Mái nhà cấu tạo theo kiểu “chồng diêm” gồm hai tầng mái nối chồng lên nhau.

- Nội thất nửa ngoài không đóng trần để tận dụng chiều cao cho nơi hành lễ cần, nửa trong có trần là chốn thâm nghiêm nơi Vua ngự hay thờ tự. Trang trí phong phú, đạt trình độ thẩm mỹ cao.

- Phong cách kiến trúc nói chung mang tính khiêm tốn, chùng mực, hài hòa của kiến trúc dân gian Việt nam, không quá đồ sộ, nguy nga lộng lẫy tạo nên ấn tượng sâu sắc về sự hòa hợp giữa con người, thiên nhiên và kiến trúc.

Công trình kiến trúc tiêu biểu: điện Thái Hòa, điện Long An...

15.3.3 Kiến trúc Phật giáo.

Đặc điểm kiến trúc.

Vị trí: Các công trình Phật giáo thường được xây dựng ở những nơi có phong cảnh đẹp, gắn bó với núi đồi, sông hồ... Vào thời Lý, các chùa tháp đều xây dựng trên các triền núi, lấy núi làm chỗ dựa, trước mặt là một không gian rộng mở, có dòng sông uốn quanh.

Bố cục: kiến trúc mặt bằng đa số có bố cục cân xứng, theo cách gọi của ông cha ta ngày xưa là bố cục theo kiểu chữ đinh (T), chữ công (I) hay nội công ngoại quốc (□), cũng có nội đình ngoại quốc, chữ tam (≡)...

Mặt bằng: Trong tổng thể ngôi chùa từ ngoài vào ta thấy có công tam quan hay tứ trụ tiếp đến là gác chuông, sân rộng, dãy hành lang bao quanh ba mặt và cuối cùng là điện thờ hay còn gọi là tòa Tam bảo thường gồm có 3 ngôi nhà nằm kế nhau: tòa Tiền đường là nơi dâng hương hành, tòa Thiêu hương là nơi đốt hương, gõ mõ, tụng kinh và tòa Thượng điện là nơi đặt tượng Phật trên bệ gọi là tòa "*Tam bảo*" tượng trưng cho sự tu hành đắc đạo của đức Phật. Trong khu vực chùa còn có Tháp mang tính chất chế ngự và nhấn mạnh bố cục của công trình theo phương đứng. Trên trục chính của quần thể kiến trúc chùa phía trước đặt Tháp tích phật còn phía sau chùa đặt Tháp mộ theo thể tự do.

Kết cấu: Kết cấu ngôi thượng điện mang giá trị truyền thống của kiến trúc cổ Việt Nam. Trong đó ta thấy biểu hiện đặc trưng của kiến trúc khung gỗ Việt Nam khác với khung gỗ chịu lực của Trung Quốc và các nước Đông Á ở thức kiến trúc Việt Nam là CỘT-XÀ-KẼ.

Điều khắc trang trí: Trong chùa các bộ phận cấu tạo bằng gỗ của công trình như cột, xà, kẻ hoặc bẩy đều được chạm khắc tinh vi. Các tháp được trang trí trên mặt đứng, diềm mái khung của... với các đề tài tôn giáo như tứ linh hay rồng mây hoa lá, cảnh sông nước bằng đất nung. Màu sắc chủ đạo trong chùa thường là màu vàng - màu của lý tưởng và cao quý.

Công trình kiến trúc tiêu biểu: chùa Pháp Vân (chùa Dâu), chùa Diên Hựu, chùa Phổ Minh, chùa Bút Tháp, chùa Tây Phương, chùa Thiên Mụ...

15.3.4 Kiến trúc Nho giáo.

Kiến trúc Nho giáo bao gồm: Văn miếu ở kinh đô và Trấn thành, Văn chỉ ở huyện và tổng và Tự Chỉ ở xã. Văn Miếu có qui mô và điển hình hơn cả là Văn miếu xây dựng ở Thăng Long vào thời nhà Lý và rải rác ở một số địa phương khác.

Đặc điểm kiến trúc: Công trình mô phỏng theo Văn miếu tại Khúc Phụ - Sơn Đông (Trung Quốc). Các công trình được bố trí trên trục chính, ngăn cách với nhau bằng các sân có tường bao.

Công trình kiến trúc tiêu biểu: Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội).

15.3.5 Kiến trúc Đạo giáo.

Đền đài, miếu mạo thường được xây dựng ở vị trí liên quan đến những truyền thuyết hoặc sự tích cuộc sống của các vị thần siêu nhiên hay nhân vật được tôn thờ.

Đặc điểm kiến trúc: Bố cục công trình thường theo lối truyền thống đối xứng, có các dạng hình chữ nhật hoặc tổ hợp một số nhà hình chữ nhật song song hoặc nối nhau. Đa số có sân trước điện thờ để tiến hành nghi lễ, xung quanh có tường vây hoặc hai bên có hành lang, phía trước có cổng lớn tứ trụ.

Công trình kiến trúc tiêu biểu: đền Quan Thánh, đền Ngọc Sơn...

15.3.6 Kiến trúc tín ngưỡng dân gian.

Tín ngưỡng thờ cúng ông bà là một trong những tín ngưỡng dân gian quan trọng trong đời sống tâm linh người Việt. Từ đó, người ta cho rằng ngôi nhà là nơi ở của người sống và ngôi mộ là nơi ở của người đã chết. Xây mồ mả là tỏ lòng thương kính người đã khuất, nhưng cũng để cầu mong một cuộc sống tốt đẹp hơn. Trong số các lăng mộ còn tồn tại đến ngày nay, lăng mộ của các vua triều Nguyễn là có giá trị về mặt kiến trúc hơn cả. Đa số các lăng mộ được xây dựng khi vua còn tại vị, nằm tập trung phía Tây-Nam Huế dọc theo bờ sông Hương. Vùng xây dựng lăng có nhiều đồi núi, suối khe rất hợp với luật phong thủy.

Đặc điểm kiến trúc:

- Xung quanh lăng có khu vực bảo vệ rộng lớn với tường cao bao bọc, bên trong là các công trình kiến trúc, hồ sen, cây cảnh... Tổng thể lăng chia làm hai phần Lăng và Tẩm. Từ ngoài có cổng, sân chầu, hai bên có tượng quan hầu, tượng thú, nhà bia, sân tế lễ, điện thờ... cuối cùng là Bửu thành xây hình tròn, bao quanh gò đất lớn có đặt phần mộ nhà vua.

- Đa số các lăng thời Nguyễn đều biết khai thác sử dụng thiên nhiên khéo léo, dùng thiên nhiên làm ngoại cảnh tô điểm cho các công trình. Bên cạnh những nét chung, mỗi lăng mang một số đặc điểm riêng tùy theo bối cảnh lịch sử của từng triều đại, cá tính, phong cách của từng ông vua.

Công trình kiến trúc tiêu biểu: lăng Gia Long, lăng Minh Mạng, lăng Tự Đức, lăng Khải Định...

15.3.7 Kiến trúc công cộng dân gian

Đặc điểm kiến trúc.

Đình làng là thể loại kiến trúc còn bảo tồn được khá trọn vẹn những nét nghệ thuật đậm đà tính dân tộc và sắc thái dân gian. Đình vừa là công trình tôn giáo, là nơi thờ thành hoàng làng đồng thời là kiến trúc công cộng, nơi sinh hoạt chính trị, văn hóa của làng. Địa điểm xây dựng gắn liền với khu dân cư làng xã, thế đất cần có tầm nhìn

thoáng, tạo cảm giác thiêng liêng. Trước đình thường có sân rộng, hồ nước, cây xanh cổ thụ tạo cảnh. Tổng thể kiến trúc được nhấn mạnh tính trang nghiêm theo lối bố cục trung tâm kết hợp với bố cục chiều sâu đối xứng qua trục chính.

Hệ thống kết cấu gỗ : cột xà, kẻ hoặc bẩy liên kết chủ yếu bằng mộng mọt nên rất vững chắc. Hệ kết cấu đứng trên đá chân cột bằng sức nặng của mái và ngôi nhà mà không cần móng. Mái chiếm 2/3 chiều cao với 4 góc xòe rộng và uốn cong theo kiểu “tàu đao, lá mái”. Bên trong đình, trên các kết cấu và bao che thường được chạm khắc các chủ đề tứ linh, cảnh sinh hoạt nông thôn... có giá trị nghệ thuật cao.

Công trình kiến trúc tiêu biểu: đình Tây Đằng, đình Chu Quyên, đình Bảng...

15.3.8 Kiến trúc dân gian.

a, Làng xóm.

Làng là đơn vị cơ sở của xã hội Việt Nam và mang tính chất độc lập nhất định của nó. Đối với Nhà nước, Làng chỉ cần làm tròn nhiệm vụ quốc gia qui định như thuế, binh lính... ngoài ra Làng có thể tự do xử trí công việc của mình theo lệ làng. Làng không do luật pháp tổ chức, trái lại luật pháp công nhận là có làng với luật lệ riêng. Đây là một đặc điểm rất đặc biệt của làng Việt Nam xưa.

Làng là một đơn vị dân cư hợp thành trong quá trình lao động sinh sống và đấu tranh tồn tại. Ở đây duy trì một lối sống mang tính cộng đồng cao, thương yêu, giúp đỡ nhau trong lao động sản xuất, đấu tranh với thiên nhiên và kẻ thù, đoàn kết bảo vệ cho nhau, đồng thời cũng là nơi gìn giữ những truyền thống dân tộc.

Làng cũng là nơi bảo tồn những nét sinh hoạt văn hoá, phong tục tập quán, tín ngưỡng thờ cúng lễ giáo. Mỗi làng thường có Chùa để thờ Phật, có đền thờ các vị anh hùng hay vị thần có công với dân với nước. Đình làng là nơi thờ Thành hoàng, vị thần linh được coi như che chở cho dân làng được bình yên, thịnh vượng. Đình làng còn làm nơi hội họp giải quyết mọi việc trong làng.

Đặc điểm không gian làng mang tính chất khép kín, thường có lũy tre dày bao bọc, vừa bảo vệ thôn xóm, vừa chống trộm cướp. Làng có cổng chính nhìn ra đường cái quan, với chòi canh và cánh cửa chắc chắn. Ở đồng bằng sông Hồng, địa bàn sinh sống lâu đời của người Việt, các làng xóm và những tụ điểm dân cư có cấu trúc thành cụm lớn nhỏ tùy thuộc vào quan hệ huyết thống, điều kiện kinh tế, địa hình cho phép.

Càng vào phía Nam, các làng tập trung dọc theo đường cái quan hoặc theo kênh rạch. Việc phân bố dân cư và lao động theo đường sông và đường cái đã từ bỏ truyền thống quy tụ người cùng dòng họ trong vùng lũy tre xanh. Các khu dân cư mới hình thành một kiểu làng ấp với quy hoạch không khép kín phù hợp với tiến trình của việc di dân từng bước vào Nam, đồng thời phù hợp với điều kiện khí hậu ẩm áp ôn hoà của phương Nam.

Do đặc điểm khí hậu các vùng khác nhau nên nhà ở đồng bằng sông Hồng có hướng Nam hay Đông - Nam vùng có gió Lào (Nghệ Tĩnh) hướng Đông còn vùng đồng bằng sông Cửu Long tương đối tự do, trừ hướng Tây. Việc chọn hướng nhà còn liên quan đến tín ngưỡng dân gian và giữ gìn sự chung sống thân thiện với hàng xóm.

b, Nhà ở.

Nhà ở của người Việt là những ngôi nhà nền đất, có xuất xứ từ nhà sàn. Tổ tiên của người Việt, từ thời các Vua Hùng, đã tiến ra cư trú ở những vùng đất rộng lớn từ trung du tới đồng bằng. Và để thích ứng với điều kiện thiên nhiên khí hậu và chống thú dữ... người ta đã xây dựng những ngôi nhà sàn - một kiểu nhà rất thích hợp với những triền đất dốc cũng như vùng đất còn lầy lội. Hai hình ảnh những ngôi nhà sàn thường được thấy trên trống đồng: (1) kiểu mái cong hình mũi thuyền, sàn thấp, đuôi mái gồ sát sàn nhà và làm nhiệm vụ của tường ngoài; (2) Một loại khác là mái vồng ở giữa, hai mái đổ xuống hai bên và đâm thẳng xuống sàn, của được trổ ở hai đầu.

Trong tiến trình lịch sử ông cha ta từ vùng núi, qua trung du rồi về đồng bằng cư trú và trồng lúa nước. Ngôi nhà sàn cũng chuyển dần thành ngôi nhà nền đất ngày nay. Nhà nền đất vùng xuôi có kết cấu khung tre lợp tranh rạ, hoặc kết cấu khung gỗ lợp ngói. Nhà miền xuôi thường bao gồm: nhà chính, nhà phụ, nhà bếp và chuồng gia súc cùng sân vườn, ao, giếng nước và hàng rào quây quanh. Nhà chính là nơi cư trú của cả gia đình, có bố cục gian lẻ: 1,3,5 hay 7 và có chái.

Bố cục và tính chất kiến trúc các loại nhà rất phong phú, tùy thuộc điều kiện địa lý, khí hậu, và vật liệu khác nhau. Đặc điểm nổi bật là ngôi nhà ở nông thôn luôn luôn gắn bó sân vườn với thiên nhiên cây cỏ, ngôi nhà nằm lọt giữa vườn cây ăn quả, ao cá... Sân gạch hay sân đất trải rộng phía trước nhà là trung tâm bố cục của khu đất mang nhiều chức năng như sinh hoạt, kinh tế, tạo không gian thoáng mát... Điều kiện kinh tế, cuộc sống tự cấp tự túc đã gắn liền người nông dân Việt Nam với mảnh vườn,

ao cá... như một tập tục lâu đời. Không gian cư trú và hoạt động không còn bó hẹp ở trong ngôi nhà còn kéo dài ra ngoài hiên, sân phơi, dưới dàn cây, trong góc vườn...

Bố trí không gian trong nhà chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo phong kiến và chế độ gia trưởng phụ quyền. Trong nhà chính có không gian lớn chính giữa giành cho bàn thờ, chỗ tiếp khách phía trước, hai bên là nơi nghỉ của khách, chồng, ông nội; nơi sinh hoạt gia đình; nơi học hành của con cái... Bên trái làm buồng ngủ của vợ, bên phải là buồng ngủ của bà già, cháu nhỏ hoặc làm kho.

Công trình kiến trúc tiêu biểu: Nhà ở dân gian các vùng miền.

15.3.9 Kiến trúc Chăm Pa.

Từ thế kỷ II - XVII trên dải đất Miền Trung từ Quảng Bình đến Thuận Hải đã tồn tại vương quốc Chăm pa với một nền văn hoá rực rỡ, trong đó nghệ thuật kiến trúc chiếm vị trí quan trọng. Các kiến trúc này thuộc dòng kiến trúc Ấn giáo với các di tích kiến trúc rất phong phú nằm rải rác khắp cả vùng, tập trung thành ba nhóm chính:

1. **Nhóm Quảng Nam:** Bao gồm các di tích chính ở Mỹ Sơn, Đồng Dương, Trà Kiệu chiếm một vùng rộng lớn trong phạm vi sông Thu Bồn.

2. **Nhóm Bình Định:** Tập trung chủ yếu chung quanh thành Bình Định cũ, trên bờ sông Côn.

3. **Nhóm Thuận Hải:** Tập trung chủ yếu chung quanh thị trấn Phan Rang.

Đặc điểm kiến trúc.

Tháp Chăm còn gọi là Kalăng, thực chất là *Đền tháp*, nơi thờ các vị thần thể hiện hình tượng núi MERU nơi ngự trị của các thần thánh, theo quan điểm của nghệ thuật tôn giáo Ấn Độ. Tháp Chăm thường có những đặc điểm chung như sau:

- **Mặt bằng tổng thể:** Các tháp Chăm được xây dựng trên những quả đồi cao có vị trí chế ngự cả một vùng. Trong bố cục tổng thể đa số theo kiểu bố cục tập trung, các tháp phụ bố trí xung quanh các tháp chính, các tháp không cùng chung một bệ mà gần như mọc thẳng từ dưới đất lên. Hoặc bố trí theo bộ ba đứng thẳng hàng theo trục Bắc - Nam, cửa chính mở hướng Đông. Trong đó, tháp giữa thờ thần Siva, tháp phía Bắc thờ thần Visnu và tháp phía Nam thờ thần Brahma. Trong quần thể thường có 4 loại kiến trúc chính sau đây: *Tháp cổng - Sân hành lễ - Đền tháp - Nhà khách thập phương.*

- **Đền tháp:** Có mặt bằng hình vuông, tường dày, đa số có cửa chính mở hướng Đông còn lại các mặt bên là cửa giả. Trong tháp có bệ, đặt tượng thờ thần, các nghi lễ chủ yếu tiến hành bên ngoài. Trước đền tháp có sảnh là khối kiến trúc thấp và nhỏ hơn khối kiến trúc chính. Kiến trúc tháp chia làm 3 phần rõ rệt: *Phần bệ* - *Phần thân tháp* - *Phần mái*. Phần thân tháp được phân vị đứng với các dãy cột nổi, trên có diềm mái. Trên mặt được khắc chạm các hình trang trí và các khoảng lõm tạo cảm giác nhẹ nhàng, sinh động, vươn cao. Cửa có trụ đỡ và xà bằng đá, đế và đầu cột to khoẻ mang dáng dấp của kết cấu gỗ. Phần mái tổ chức dật cấp, thường có 3 - 4 tầng mái, càng lên trên càng nhỏ và thấp dần. Trên cùng kết thúc bằng một chòm nhọn hình búp sen. Nhìn chung kiến trúc tháp có tỉ lệ hài hoà dáng cân đối mặt đứng sinh động và mang tính hoành tráng cao. Nội thất ít trang trí, trên tường có những hốc đặt tượng thờ.

Hầu hết các tháp đều xây dựng bằng gạch nung để trần, kết hợp với một số bộ phận chịu lực làm bằng đá có trang trí. Kỹ thuật xây dựng rất độc đáo: trên các bức tường của tháp không có mạch vữa mà liên kết bằng những chất keo thực vật rất bền chắc. Sau khi xây dựng việc trang trí mới được tiến hành.

- **Sân hành lễ:** Trước cửa một số tháp như Ponaga (Nha Trang), tháp Chợ (Mỹ Sơn)... có xây dựng một sân lớn với các dãy cột mập khoẻ ở xung quanh là nơi các tín đồ tập hợp để tế lễ. Sân thường có mặt bằng hình chữ nhật nằm dọc theo trục chính của tháp. Đây là một kiểu không gian mở hoàn toàn song vẫn không kém phần trang nghiêm, bề thế phù hợp với dạng tế tự ngoài trời của Ấn giáo.

- **Nhà khách thập phương:** Nhà khách có mặt bằng hình chữ nhật, các cửa chính nằm ở hai đầu và trên tường còn lại chừa cửa sổ nhỏ, vừa đủ để ánh sáng lọt vào. Mặt tường phía trong phẳng, không trang trí, bên ngoài trang trí tinh vi. Nội thất bên trong để thoáng cả một không gian lớn hoặc ngăn thành những phòng nhỏ. Mái hình vòm bán nguyệt trên có trang trí hoa lá. Trong một số trường hợp mái dật cấp hình vòm, phần trên lặp lại kiến trúc tháp phía dưới nhưng nhỏ và thấp hơn.

- **Tháp cổng:** Tháp cổng đặt trên trục chính của quần thể. Loại đơn giản có mặt bằng hình vuông, hai cửa trước và sau đối xứng nhau, loại phức tạp có mặt bằng bằng gồm 3 hình vuông nối nhau giữa lớn hai bên nhỏ tạo thành ba cửa phía ngoài và một cửa chính mở ra phía trong.

Công trình kiến trúc tiêu biểu: quần thể tháp Chăm Mỹ Sơn, quần thể Dòng Dương, quần thể Ponagar - Nha Trang...